

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Nam Lê Thiện

Bà Vương Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2024/QĐXXST -HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1987; thường trú: Xóm N, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số H đường H, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; thường trú: Xóm N, xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số H, đường H, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số C đường N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2024, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/7/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Thị N1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Văn H sau thời gian quen nhau thì tiến tới hôn nhân năm 2008. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01/2008 ngày 07/8/2008. Việc kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi ra. Tuy hiện nay chúng tôi vẫn sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 21/02/2009 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 11/10/2020. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/8/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 06/9/2024 và 27/9/2024 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01/2008 ngày 07/8/2008 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng chị N xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc chị N xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp và không còn tiếng nói chung, hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bản thân anh H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh H đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không có mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Khi giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 21/02/2009 và Nguyễn Đăng K,

sinh ngày 11/10/2020, anh H vắng mặt và không có bất kỳ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên để ổn định tâm lý và cuộc sống của 02 cháu nên giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01/2008 ngày 07/8/2008 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 21/02/2009 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 11/10/2020 cho chị Đặng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị N về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001144 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Nam